

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI GIA LONG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI GIA LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400908015

3. Ngày thành lập: 30/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Trung Xuân, Xã Nghĩa Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0365461057

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
21.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
22.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
23.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

24.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
25.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
26.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
28.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
30.	Cho thuê xe có động cơ	7710
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
32.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
33.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
34.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
35.	Bán buôn thực phẩm	4632
36.	Bán buôn đồ uống	4633
37.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
38.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
47.	Bán buôn tổng hợp	4690
48.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
49.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm kinh doanh vàng iêngm)	4662
50.	Quảng cáo	7310
51.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đầu giá tài sản)	4511
52.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đầu giá tài sản)	4512
53.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đầu giá tài sản)	4513

54.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4530
56.	Bán mô tô, xe máy (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4541
57.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản)	4543
59.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
60.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
61.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
62.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
63.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
64.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
65.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
66.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
67.	Sản xuất đường	1072
68.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
69.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
70.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
71.	Sản xuất cà phê	1077
72.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
73.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
74.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
75.	Sản xuất rượu vang	1102
76.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
77.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
78.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
79.	Sản xuất sợi	1311
80.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
81.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
82.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
83.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
84.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
85.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
86.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
87.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

88.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
89.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
90.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
91.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
92.	Sản xuất giày, dép	1520
93.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
94.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
95.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
96.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
97.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
98.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
99.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
100.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
101.	In ấn	1811
102.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
103.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
104.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
105.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
106.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
107.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
108.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
109.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
110.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

6. Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ DIỆN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/01/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013561729

Ngày cấp: 14/07/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Cẩm Hà, Xã Tân Hưng, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Cẩm Hà, Xã Tân Hưng, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang